ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO LẦN 2

QUY CHẾ
Khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu), quyền hạn, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu tại tỉnh Bình Dương và việc cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu.

Quy chế này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng tại tỉnh Bình Dương và các cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Thông tin ngăn chặn* là thông tin bằng văn bản do các cơ quan có thẩm quyền ban hành yêu cầu không thực hiện hoặc tạm dừng thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với một hoặc một số tài sản và đối với một hoặc một số tổ chức, cá nhân nhất định.

Thông tin ngăn chặn được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu là căn cứ để công chứng viên không thực hiện hoặc tạm dừng thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với tài sản bị ngăn chặn.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản ngăn chặn: Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự, Cơ quan công an, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật.

2. *Thông tin giải tỏa ngăn chặn* là thông tin bằng văn bản có nội dung hủy bỏ việc ngăn chặn do chính cơ quan, tổ chức đã có yêu cầu ngăn chặn trước đó hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật ban hành.

Thông tin giải tỏa ngăn chặn được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu là căn cứ để công chứng viên thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch về tài sản đã bị ngăn chặn trước đó.

3. *Thông tin về hợp đồng, giao dịch* là thông tin do các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch.

Thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng được nhập vào Cơ sở dữ liệu là nguồn thông tin để công chứng viên đối chiếu kiểm tra, xem xét trước khi quyết định công chứng hoặc tạm dừng thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch.

4. *Thông tin tham khảo* là văn bản yêu cầu hoặc hủy bỏ yêu cầu ngăn chặn việc công chứng hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức không phải là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Cá nhân, tổ chức yêu cầu ngăn chặn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn của các yêu cầu của mình cũng như về các hậu quả xảy ra do yêu cầu của mình.

5. *Tài khoản* là những thông số nhất định mà người quản lý, vận hành sử dụng được cấp để truy cập vào Cơ sở dữ liệu, bao gồm tên người sử dụng và mật khẩu.

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp thông tin, phương thức cập nhật, chỉnh sửa, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu

1. Việc cung cấp thông tin, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu phải thực hiện theo quy định của Quy chế này.

2. Việc nhập thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng vào Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và lưu trữ lâu dài; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hành nghề công chứng tra cứu thông tin. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm cập nhập tất cả các hợp đồng, giao dịch đã công chứng vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu phải đúng mục đích, không sử dụng Cơ sở dữ liệu vào những mục đích trái pháp luật hay mục đích khác không phải phục vụ cho hoạt động công chứng của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước về công chứng.

4. Việc nhập, sửa chữa, xóa thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng phải được ghi nhận bằng nhật ký tự động đã được thiết kế sẵn trong Cơ sở dữ liệu; nhật ký sẽ tự động ghi lại chính xác thời gian (năm, tháng, ngày, giờ, phút) và các hành động cụ thể của một tài khoản kể từ khi tài khoản đó truy cập và thoát ra khỏi Cơ sở dữ liệu. Nhật ký tự động là căn cứ chứng minh cho việc cập nhật hợp đồng, giao dịch đã công chứng lên Cơ sở dữ liệu.

5. Các chương trình kiểm tra và diệt virus phải là những chương trình có bản quyền và phải được cài đặt thường trú trên các thiết bị truy cập Cơ sở dữ liệu.

Điều 4. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản

1. Cá nhân được cấp tài khoản gồm: Chánh Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Sở; Trưởng phòng, chuyên viên Phòng Bổ trợ tư pháp - Sở Tư pháp; Trưởng tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, chuyên viên tổ chức hành nghề công chứng.

Mỗi cá nhân chỉ được cấp 01 tài khoản truy cập duy nhất.

2. Cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản đã được cấp để truy cập vào Cơ sở dữ liệu. Trường hợp bị mất hoặc quên tên, mật khẩu phải báo ngay cho Sở Tư pháp.

3. Tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu đã được cấp sẽ bị xóa, tạm dừng hoặc thay đổi trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân làm việc của cơ quan, tổ chức chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc;

b) Cá nhân làm việc cho tổ chức hành nghề công chứng mà tổ chức hành nghề công chứng đó đã chuyển đổi, chuyển nhượng, sáp nhập, hợp nhất; tổ chức hành nghề công chứng cố ý không thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời việc nhập thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng; tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện nghĩa vụ tài chính (chi phí khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu) với chủ đầu tư (Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Dương).

4. Phạm vi khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu của các tài khoản căn cứ vào quyền và trách nhiệm của cá nhân sử dụng tài khoản quy định tại Chương III của Quy chế này.

Điều 5. Chi phí liên quan đến việc xây dựng, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Tổ chức hành nghề công chứng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu phải nộp các chi phí liên quan đến việc xây dựng, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

2. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Dương xác định mức thu chi phí khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin "Xây dựng và triển khai Phần mềm quản lý công chứng", thực hiện việc thu và sử dụng chi phí liên quan đến việc xây dựng, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

Điều 6. Sao lưu

1. Việc sao lưu dữ liệu và các phiên bản của Cơ sở dữ liệu và chương trình máy tính khác có chứa Cơ sở dữ liệu phải được thực hiện thường xuyên, lưu trữ, bảo quản cẩn thận, có hệ thống.

2. Thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, thông tin về hợp đồng, giao dịch phải được lưu trữ, bảo quản cẩn thận, có hệ thống.

3. Sở Tư pháp tổ chức việc sao lưu, lưu trữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Văn phòng Sở giúp Sở Tư pháp thực hiện sao lưu, lưu trữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu bằng tài khoản của người khác.

2. Để cho người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào Cơ sở dữ liệu.

3. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu để thực hiện các công việc không được giao.

4. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Cơ sở dữ liệu không đúng với sự thật, trái quy định, làm biến dạng giao diện, làm sai lệch Cơ sở dữ liệu quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến hoạt động hay thông tin có trong Cơ sở dữ liệu.

5. Thay đổi quy trình quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

6. Tiết lộ trái pháp luật các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản, và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

7. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với Cơ sở dữ liệu.

8. Những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG

Điều 8. Cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu

1. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh, thông tin bằng văn bản việc yêu cầu ngưng, tạm ngưng giao dịch về tài sản, chấm dứt việc ngưng, tạm ngưng giao dịch về tài sản đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

2. Công an tỉnh, Công an cấp huyện của tỉnh kịp thời thông tin bằng văn bản về các trường hợp ngăn chặn giao dịch liên quan đến tài sản, giả mạo người, giả mạo giấy tờ để giao dịch liên quan đến tài sản, lừa đảo tài sản đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cục Thi hành án Dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, các Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác gửi văn bản, quyết định có liên quan đến việc kê biên tài sản, chấm dứt kê biên tài sản, tạm dừng việc chuyển quyền sở hữu tài sản, chấm dứt tạm dừng việc chuyển quyền sở hữu tài sản đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền quản lý đất đai, đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất kịp thời thông tin bằng văn bản về các trường hợp thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mất phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các trường hợp cần ngăn chặn khác đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quản lý đất đai, đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất kịp thời thông tin bằng văn bản về các trường hợp thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mất phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các trường hợp cần ngăn chặn khác đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

6. Các tổ chức hành nghề công chứng và cá nhân, tổ chức khác có khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu kịp thời thông tin bằng văn bản về các trường hợp giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch về tài sản, lừa đảo tài sản, hủy, chấm dứt, đơn phương chấm dứt ủy quyền liên quan đến tài sản, sót thừa kế đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

7. Sở Tư pháp hướng dẫn các nội dung cần thiết khi cung cấp thông tin và cách thức gửi văn bản cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu.

Điều 9. Chia sẻ thông tin về hợp đồng, giao dịch trong Cơ sở dữ liệu

1. Khi có yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, công chứng viên thực thực hiện các bước tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thông tin có trong Cơ sở dữ liệu và điều kiện để công chứng theo quy định pháp luật.

Nếu hồ sơ, điều kiện công chứng đầy đủ, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội và không có thông tin ngăn chặn liên quan đến tài sản, đối tượng giao dịch thì công chứng viên thụ lý và tạo lập hợp đồng, giao dịch trong Cơ sở dữ liệu.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt, sửa lỗi kỹ thuật đối với hợp đồng, giao dịch đã được công chứng cũng phải được chia sẻ ngay và đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu.

3. Ngay sau khi thực hiện việc công chứng, cấp số công chứng, thu phí công chứng, công chứng viên và người thực hiện việc cấp số công chứng, thu phí phải thực hiện các công việc tương ứng trong Cơ sở dữ liệu.

4. Khi tạo lập hợp đồng, giao dịch, công chứng viên phải kiểm tra các thông tin có trong Cơ sở dữ liệu về tài sản, về tổ chức, cá nhân giao dịch, lịch sử giao dịch có liên quan.

5. Trường hợp phát hiện giao dịch đang thực hiện tại nhiều nơi, thông tin về tài sản, chủ sở hữu hay người tham gia giao dịch không phù hợp hay thông tin khác không rõ ràng, công chứng viên phải xác minh, làm rõ.

Nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm hình sự hay vi phạm pháp luật khác thì công chứng viên báo cáo ngay với Trưởng tổ chức hành nghề công chứng. Trưởng tổ chức hành nghề công chứng chủ động có biện pháp thích hợp, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý vụ việc đúng quy định pháp luật và kịp thời báo cáo cho Sở Tư pháp.

Chương III

QUY TRÌNH VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ CÔNG CHỨNG TẠI SỞ TƯ PHÁP

Điều 10. Tiếp nhận, giải tỏa thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Sở Tư pháp tiếp nhận các văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp.

Điều 11. Cập nhật, giải tỏa thông tin ngăn chặn trên Cơ sở dữ liệu

1. Ngay sau khi tiếp nhận văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, chuyên viên Văn phòng Sở phải cập nhật đầy đủ và chính xác các thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn vào Cơ sở dữ liệu.

2. Đối với thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn đã có trên Cơ sở dữ liệu, chuyên viên Văn phòng Sở tích hợp dữ liệu công chứng kiểm tra lại thông tin: nếu thông tin đã có không hoàn toàn phù hợp 100% với văn bản ngăn chặn nhận được, thì phải nhập thông tin ngăn chặn vào Cơ sở dữ liệu; nếu văn bản giải tỏa ngăn chặn đúng 100% với thông tin đã có, thì thực hiện giải tỏa ngăn chặn; nếu văn bản giải tỏa ngăn chặn không đúng với thông tin đã có, thì phải soạn thảo văn bản trình Lãnh đạo Sở Tư pháp chuyển trả văn bản mới nhận đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi văn bản ngăn chặn và nêu rõ lý do không chấp nhận.

3. Khi phát hiện thấy những điểm bất hợp lý về thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, chuyên viên Văn phòng Sở tích hợp dữ liệu công chứng phải báo cáo với Lãnh đạo Sở Tư pháp để kịp thời xử lý.

Điều 12. Chỉnh sửa các thông tin đã nhập vào Cơ sở dữ liệu

1. Việc sửa các thông tin đã nhập vào Cơ sở dữ liệu chỉ được thực hiện đối với các sai sót về kỹ thuật trong văn bản (sai sót trong ghi chép, đánh máy, in ấn).

2. Đối với các sai sót kỹ thuật trong văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn được phát hiện trong quá trình nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu (thông tin chưa được đưa lên Cơ sở dữ liệu), chuyên viên Văn phòng Sở tích hợp dữ liệu công chứng chủ động sửa chữa cho chính xác với văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; trường hợp các sai sót này được phát hiện sau khi thông tin đã được đưa lên Cơ sở dữ liệu, chuyên viên Văn phòng Sở tích hợp dữ liệu công chứng phải báo cáo ngay với Lãnh đạo Sở Tư pháp để kiểm tra phê duyệt việc sửa chữa sai sót cho chính xác với văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn.

3. Đối với các sai sót kỹ thuật trong văn bản công chứng thì các tổ chức hành nghề công chứng tự chỉnh sửa trực tiếp trên Cơ sở dữ liệu.

Chương IV

QUY TRÌNH VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ CÔNG CHỨNG TẠI CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Điều 13. Nhập thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng, thông tin ngăn chặn vào Cơ sở dữ liệu

1. Kể từ khi văn bản hợp đồng, giao dịch đã được công chứng viên ký và đóng dấu, công chứng viên hoặc nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng phải nhập đầy đủ, chính xác thông tin từ văn bản đã công chứng vào Cơ sở dữ liệu.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng kịp thời nhập thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành gửi đến tổ chức mình.

Điều 14. Tra cứu thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng

1. Quy trình tra cứu thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của Sở Tư pháp và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Trước khi công chứng viên ký vào hợp đồng, giao dịch, công chứng viên trực tiếp tra cứu hoặc yêu cầu nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng tra cứu trong Cơ sở dữ liệu để kiểm tra về tình trạng của đương sự, tài sản.

3. Kết quả tra cứu phải được in, có chữ ký của công chứng viên, nhân viên thực hiện việc tra cứu và lưu trong hồ sơ công chứng. Trong trường hợp cần thiết, người yêu cầu công chứng được xem kết quả tra cứu.

4. Kết quả tra cứu từ Cơ sở dữ liệu là nguồn thông tin để công chứng viên kiểm tra, xem xét trước khi quyết định công chứng hoặc tạm dừng thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch.

a) Nếu đương sự, tài sản có trong danh sách ngăn chặn thì công chứng viên không thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch đối với đương sự, tài sản bị ngăn chặn.

b) Nếu đương sự, tài sản là đối tượng trong một hoặc nhiều hợp đồng, giao dịch chưa được hủy thì công chứng viên hướng dẫn người dân đến tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng hợp đồng, giao dịch đó để hủy hoặc thanh lý hợp đồng, giao dịch; trường hợp có dấu hiệu của tội phạm thì công chứng viên, Trưởng tổ chức hành nghề công chứng kịp thời báo cáo Sở Tư pháp, đồng thời báo cho cơ quan công an có thẩm quyền để phối hợp giải quyết.

c) Trường hợp tài sản thế chấp đã được Ngân hàng ký thông báo giải chấp nhưng chưa giải chấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc thông báo giải chấp chưa được gửi đến Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thì vẫn được tiếp tục công chứng hợp đồng thế chấp. Tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận yêu cầu công chứng hợp đồng thế chấp có trách nhiệm đăng thông tin giải chấp lên Cơ sở dữ liệu.

d) Các tình huống phát sinh cụ thể khác, công chứng viên báo cáo Trưởng tổ chức hành nghề công chứng, Trưởng tổ chức hành nghề công chứng báo cáo Sở Tư pháp xem xét, hướng dẫn giải quyết.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức hành nghề công chứng không chia sẻ thông tin vào Cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin không kịp thời, không chính xác hoặc có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị cảnh cáo, khóa tài khoản theo Quy chế này, hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị cảnh cáo, khóa tài khoản theo Quy chế này, hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Triển khai thực hiện Quy chế này, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Công chứng viên

1. Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả Cơ sở dữ liệu.

2. Vận động công chứng viên là thành viên của tổ chức mình và các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nghiêm túc Quy chế này nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng tại tỉnh; báo cáo Sở Tư pháp để Sở có biện pháp xử lý nghiêm đối với các hành vi không chia sẻ thông tin kịp thời, trung thực hoặc hành vi vi phạm khác liên quan đến Cơ sở dữ liệu, làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, an toàn pháp lý trong các hợp đồng, giao dịch.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức hành nghề công chứng

1. Tất cả các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương phải tham gia sử dụng Cơ sở dữ liệu.

2. Trưởng tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm:

a) Đề nghị Sở Tư pháp cấp, xóa hoặc thay đổi tài khoản cho tổ chức mình;

b) Tổ chức quản lý việc nhập thông tin về hợp đồng, giao dịch vào Cơ sở dữ liệu; vận hành và sử dụng an toàn, hiệu quả Cơ sở dữ liệu tại tổ chức mình;

c) Quyết định và chịu trách nhiệm về việc nhập, sửa chữa và xóa thông tin nhập vào Cơ sở dữ liệu của tổ chức mình. Chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ và chính xác của thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng để nhập vào Cơ sở dữ liệu;

d) Bảo đảm điều kiện (trang thiết bị, mạng nội bộ...) cho việc vận hành tốt Cơ sở dữ liệu tại tổ chức mình;

e) Kịp thời thông tin cho Sở Tư pháp các vấn đề phát sinh trong khi sử dụng Cơ sở dữ liệu, tích cực phối hợp với Sở Tư pháp để khắc phục các vấn đề liên quan đến Cơ sở dữ liệu;

g) Chịu trách nhiệm bảo quản, bảo mật đối với mật khẩu và tên truy cập Cơ sở dữ liệu đã được cung cấp; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, mất mật khẩu, tên tài khoản.

h) Đóng chi phí liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm:

a) Nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo sự phân công của Trưởng tổ chức hành nghề công chứng;

b) Sửa chữa và xóa các thông tin nhập vào Cơ sở dữ liệu theo quyết định của Trưởng tổ chức hành nghề công chứng;

c) Chịu trách nhiệm trước Trưởng tổ chức hành nghề công chứng về việc nhập, sửa chữa và xóa các thông tin do mình nhập, sửa chữa và đã xóa trong Cơ sở dữ liệu;

d) Tra cứu các thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng trong Cơ sở dữ liệu để cung cấp kết quả cho Trưởng tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, các cơ quan tổ chức có thẩm quyền khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về kết quả tra cứu đã cung cấp.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tư pháp quản lý hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành Cơ sở dữ liệu và lưu trữ cơ sở dữ liệu công chứng, đảm bảo hoạt động ổn định, thường xuyên để phục vụ cho hoạt động khai thác, sử dụng của các chủ thể có liên quan.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, xử lý tốt cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cho hoạt động Cơ sở dữ liệu.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho việc nâng cấp cơ sở vật chất và Cơ sở dữ liệu từ nguồn kinh phí ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung theo Quy chế này.

2. Phối hợp thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kịp thời thông báo đến Sở Tư pháp các thông tin, yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, Quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ... trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình.

3. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý, xử lý các thông tin liên quan đến Cơ sở dữ liệu.

Điều 21. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh

Phối hợp thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kịp thời thông báo đến Sở Tư pháp các thông tin, yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa hợp đồng, giao dịch trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình./.